| TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y<br>THÀNH PHỐ Y | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 216/2018/HNGĐ-ST
Ngày:8/5/2018
V/v : *Tranh chấp Ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y, THÀNH PHỐ Y**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*** :

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Mỹ Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Vũ Thị Thân.

2. Bà Lâm Ngọc Minh.

*Thư ký phiên tòa*: Ông Diệp Xuân Hà – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân QUẬN Y, Thành phố Y.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN Y, Thành phố Y tham gia phiên tòa*: Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 616/2017/TLST-HNGĐ, ngà y 17 tháng 11 năm 2017 về " Tranh chấp về ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/ QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Tôn Liễu T, sinh năm 1992; địa chỉ: số 01 đường L, phường H, quận T, Thành phố Y; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh 1985; địa chỉ: 247/96 đường L, Phường B, Quận Y, Thành phố Y; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Tại đơn khởi kiện nộp ngày 08/11/2017, Bản tự khai ngày 22/11/2017, các Biên bản phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 28/12/2017 và ngày 07/02/2018 nguyên đơn bà Trần Tôn Liễu T trình bày:

Ông Lê Văn D và bà Trần Tôn Liễu T là vợ chồng hợp pháp chung sống từ năm 2016 có đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 58/2016, do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận Y, Thành phố Y cấp ngày 28/5/2016.

Vợ chồng chung sống được 01 con chung tên Lê Trần Ngọc T1 (nữ), sinh ngày 15/6/2016.

Vợ chồng chỉ chung sống thời gian ngắn thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do ông D không có trách nhiệm với gia đình vợ con, không lo làm ăn lại thường xuyên nhậu nhẹt về nhà gây gổ chửi mắng bà T. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cả hai chỉ mới sống chung 01 năm bà T đã đem con về nhà mẹ sinh sống từ tháng 5/2017 đến nay. Ông D cũng không hề qua lại thăm nom cấp dưỡng cho con chung. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cả hai không liên hệ nhau về kinh tế và tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D để sớm ổn định cuộc sống lo cho con.

Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lê Trần Ngọc T1 (nữ), sinh ngày 15/6/2016 vả không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngày 23/3/2018 bà Trần Tôn Liễu T có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà và yêu cầu Tòa án bảo lưu các ý kiến của bà theo như các Biên bản bà đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa.

* Về phía bị đơn ông Lê Văn D: Theo kết quả xác minh của Công an Phường 14, Quận Y, TP.Y ngày 17/11/2017: " Ông Lê Văn D, sinh năm 1985 có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại tại địa chỉ 247/96 đường L, Phường B, QUẬN Y, Thành phố Y. ".

Ông D hiện vẫn đang cư trú tại Quận Y nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông D không có mặt dù Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho bị đơn. Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa thông báo cụ thể thời gian và địa điểm mở phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau : " Về tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Về nội dung : đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ".

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các Biên bản lời khai đã thể hiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng* :

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Lê Văn D và bà Trần Tôn Liễu T chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp.Bà T xin ly hôn với ông D, bị đơn có nơi cư trú tại Quận Y nên Tòa án nhân dân Quận Y thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định pháp luật tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

* Về người tham gia tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Lê Văn D nhưng bị đơn ông D vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, ngày 23/3/2018 nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về yêu cầu của các đương sự:*

* Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 12/12/2017 Tòa án nhân dân Quận Y có yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường B, Quận Y, Thành phố Y xác minh tình trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà Trần Tôn Liễu T và ông Lê Văn D. Kết quả xác minh như sau: " Trong thời gian chung sống tại địa chỉ 247/96 đường L, Phường B, Quận Y giữa bà Trần Tôn Liễu T và ông Lê Văn D có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Ông D thường xuyên đi nhậu về chửi mắng bà T dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Con chung tên Lê Trần Ngọc T1 hiện đang sống với bà Trần Tôn Liễu T và bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con ".

Xét thấy hôn nhân giữa ông D và bà T thực sự xảy ra mâu thuẫn nên địa phương đã xác nhận mâu thuẫn như trên. Mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà T dọn ra ở riêng và cả hai không còn liên hệ gì với nhau từ tháng 5/2017 đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông D yêu cầu có mặt để hòa giải nhưng ông D vẫn vắng mặt xem như không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà T và cũng không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định: "Nếu có căn cứ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án giải quyết cho ly hôn ". Căn cứ vào những chứng cứ nói trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Tôn Liễu T được ly hôn với ông Lê Văn D.

* Về con chung: Con chung Lê Trần Ngọc T1 (nữ), sinh ngày 15/6/2016. Bà T yêu cầu được nuôi trẻ Thương và không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo các phiên hòa giải nêu rõ nội dung yêu cầu nuôi con chung của bà T nhưng ông D không có văn bản phản đối đối với yêu cầu được nuôi con chung của bà T. Căn cứ xác minh của địa phương hiện nay con chung vẫn do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc được nuôi dưỡng con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con

* Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] *Về án phí:*

Về án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Tôn Liễu T phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

*Tuyên xử :*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Tôn Liễu T.

Bà Trần Tôn Liễu T được ly hôn với ông Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao bà Trần Tôn Liễu T được nuôi dưỡng trẻ Lê Trần Ngọc T1 (nữ), sinh ngày 15/6/2016.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Lê Văn D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Ông D được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông D thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí: Bà Trần Tôn Liễu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số AG/2014/0004657 ngày 15/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Y. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Tôn Liễu T và ông Lê Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND QUẬN Y;
- Chi cục THADS QUẬN Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mỹ Duyên**